

TÔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 47



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 9 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Phú Cường	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Kiều Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/4/2016)
	Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/4/2016)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30/06/2016 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Phú Cường
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2016

Số: 568/2016/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 25 tháng 8 năm 2016, từ trang 04 đến trang 47, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2016

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.363.696.537.321	1.695.799.337.113
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	100.565.088.603	127.376.857.314
1. Tiền	111		100.065.088.603	66.076.857.314
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	61.300.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		432.230.514.329	749.904.439.374
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	360.036.629.902	656.652.612.246
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		48.156.646.615	44.411.291.443
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	24.037.237.812	48.840.535.685
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	704.008.876.147	721.302.870.922
1. Hàng tồn kho	141		706.137.048.624	723.431.043.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.128.172.477)	(2.128.172.477)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		126.892.058.242	97.215.169.503
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	15.826.979.273	11.219.686.196
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		97.046.932.117	68.287.205.015
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	14.018.146.852	17.708.278.292
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		573.703.232.092	468.776.442.951
I Các khoản phải thu dài hạn	210		60.771.703.261	32.580.885.306
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	60.771.703.261	32.580.885.306
II Tài sản cố định	220		267.879.016.798	229.737.202.356
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	239.694.183.969	200.007.080.315
- Nguyên giá	222		667.149.264.755	600.685.712.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(427.455.080.786)	(400.678.631.754)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	28.184.832.829	29.730.122.041
- Nguyên giá	228		39.442.150.391	39.442.150.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.257.317.562)	(9.712.028.350)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		166.910.360	279.131.296
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		166.910.360	279.131.296
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	204.250.871.825	165.850.871.825
1. Đầu tư vào công ty con	251		106.103.268.520	72.803.268.520
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		70.861.989.920	65.761.989.920
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27.285.613.385	27.285.613.385
VI Tài sản dài hạn khác	260		40.634.729.848	40.328.352.168
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	40.634.729.848	40.328.352.168
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.937.399.769.413	2.164.575.780.064

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.663.498.463.791	1.875.639.296.090
I- Nợ ngắn hạn	310		1.591.744.291.415	1.816.190.606.720
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	247.962.243.903	305.603.541.628
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.066.726.703	5.950.414.159
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	6.190.965.936	6.777.865.145
4. Phải trả người lao động	314		105.538.401.197	127.237.736.674
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	25.561.461.631	25.762.430.818
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	734.065.844	485.335.656
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	20.511.960.721	9.604.509.408
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.131.144.943.154	1.293.451.945.075
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	29.144.918.195	29.144.918.195
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		13.888.604.131	12.171.909.962
II- Nợ dài hạn	330		71.754.172.376	59.448.689.370
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	1.227.094.905	1.496.498.791
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	21.358.915.446	15.259.492.405
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	6.363.182.174	6.338.182.174
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	42.804.979.851	36.354.516.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		273.901.305.622	288.936.483.974
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	273.901.305.622	288.936.483.974
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.897.713	31.399.897.713
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.501.407.909	75.536.586.261
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		30.036.586.261	19.367.739.303
- LNST chưa phân phối kì này	421b		30.464.821.648	56.168.846.958
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.937.399.769.413	2.164.575.780.064

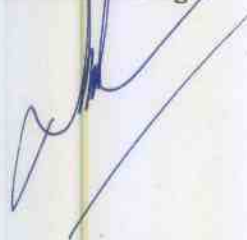
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Huỳnh Văn Phát

Mai Văn Hoàng Dũng

Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016


Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

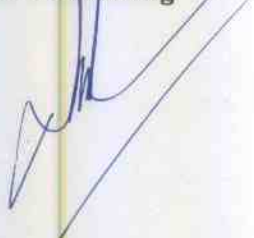
CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	1.559.509.927.990	1.506.712.039.533
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	8.592.702.153	7.681.270.310
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	1.550.917.225.837	1.499.030.769.223
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	1.246.571.598.445	1.263.339.507.385
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		304.345.627.392	235.691.261.838
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	29.377.599.404	29.062.207.847
7. Chi phí tài chính	22	5.19	18.997.919.928	26.150.298.711
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.300.394.018	12.824.882.419
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	122.944.835.202	105.014.076.234
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	149.460.643.444	92.236.406.288
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		42.319.828.222	41.352.688.452
11. Thu nhập khác	31	5.22	848.222.489	549.299.247
12. Chi phí khác	32	5.22	354.603.755	439.728.012
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		493.618.734	109.571.235
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		42.813.446.956	41.462.259.687
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	6.545.802.130	5.205.993.117
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		36.267.644.826	36.256.266.570

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu B 03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	42.813.446.956	41.462.259.687
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	28.646.538.244	30.427.278.214
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(14.663.049.321)	(21.761.023.269)
- Chi phí lãi vay	6	13.300.394.018	12.824.882.419
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	70.097.329.897	62.953.397.051
- Tăng các khoản phải thu	9	246.690.835.678	(141.812.843.810)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	17.293.994.775	(114.533.603.229)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(90.752.486.518)	27.886.733.693
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(4.913.670.757)	(5.433.879.808)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(13.300.394.018)	(12.824.882.419)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.774.024.597)	(8.397.722.108)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.086.129.003)	(4.546.012.183)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	216.255.455.457	(196.708.812.813)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(37.112.148.669)	(31.155.650.114)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	272.499.998	164.485.781
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.677.324.250)	(6.599.300.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.350.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.390.549.323	21.505.672.022
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(43.126.423.598)	(14.734.792.311)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.332.083.846.636	1.375.804.446.421
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.487.940.384.706)	(1.087.610.823.380)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(44.084.262.500)	(45.500.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(199.940.800.570)	242.693.623.041
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(26.811.768.711)	31.250.017.917
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	127.376.857.314	55.907.981.288
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	100.565.088.603	87.157.999.205

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 09 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.416.571	14.165.710.000	7,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.694.307	116.943.070.000	64,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/06/2016 là: 6.078 người (tại ngày 31/12/2015 là: 6.501 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;

...

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2016, Tổng Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con	
Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,00%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,00%
Công ty Cổ phần May Bình Định	51,84%
Công ty Cổ phần May An Nhơn	51,00%
Công ty Cổ phần May Tam Quan	51,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè	51,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May Nhà Bè	51,00%
Công ty Cổ phần May Bình Thuận – Nhà Bè	51,00%
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	70,00%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè – Hậu Giang	77,00%
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	51,00%
Công ty liên kết	
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%
Công ty CP Truyền Thông và Du lịch NBC	37,60%
Công ty CP May Nam Định	34,33%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	28,58%
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	30,00%
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	30,00%

Các đơn vị phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum
 Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định
 Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội
 Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Tổng Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/07/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể so sánh được, Tổng Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2015 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.3), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. NĂM TÀI CHÍNH/KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính/Kỳ Kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 30/06/2016.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 30/06/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Tài sản cố định vô hình

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
	(Số năm)
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...
- Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	5.612.387.640	8.647.386.842
Tiền gửi ngân hàng	94.452.700.963	57.429.470.472
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	61.300.000.000
Tổng	100.565.088.603	127.376.857.314

(*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	360.036.629.902	656.652.612.246
DESIPRO PTE.LTD	18.575.437.334	76.166.704.258
MOTIVES	39.225.508.077	162.625.477.173
ASDA	-	5.755.359.457
WE EUROPE	2.815.690.967	6.061.029.217
JP GLOBAL	1.379.213.365	8.789.905.008
Công ty CP May Gia Lai	40.651.235.591	44.725.228.136
H&M	-	14.154.092.560
JC PENNY	9.204.653.009	12.589.820.830
ARCADIA	4.803.264.133	8.437.458.337
BMB CLOTHING GROUP	15.484.610.980	18.898.535.568
GROSSO MODA	12.190.799.108	15.163.988.342
LUCRETIA	19.606.034.739	16.561.234.214
PRIMARK	11.751.360.259	2.735.901.493
TRYBUS	10.124.812.985	7.026.066.082
GENEROS	8.472.801.591	2.583.474.294
Phải thu các đối tượng khác	165.751.207.764	254.378.337.277
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	360.036.629.902	656.652.612.246

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.3 Phải thu khác

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Ngắn hạn	24.037.237.812	-	48.840.535.685	-
- Phải thu bảo hiểm xã hội	568.942.028	-	1.956.844.810	-
- Phải thu bán nguyên phụ liệu	10.806.718.913	-	11.191.241.000	-
- Ứng tiền đầu tư dự án Hậu Giang	-	-	17.423.175.750	-
- Phải thu tạm ứng	5.030.862.532	-	4.148.520.519	-
- Phải thu các công ty con, liên kết	2.758.256.184	-	5.727.052.924	-
- Ứng tiền dự án Đức Linh	162.259.000	-	-	-
- Ký quỹ ngắn hạn	83.011.648	-	-	-
- Phải thu khác	4.627.187.507	-	8.393.700.682	-
Dài hạn	60.771.703.261	-	32.580.885.306	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.037.259.156	-	2.152.259.156	-
- Công ty Cổ phần May Phù Cát	10.144.440.000	-	10.144.440.000	-
- Mua đất dự án Long Thới	33.296.286.150	-	20.284.186.150	-
- Phải thu các công ty con, liên kết	14.206.573.254	-	-	-
- Phải thu khác	1.087.144.701	-	-	-
Tổng	84.808.941.073	-	81.421.420.991	-

5.4 Hàng tồn kho

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	293.846.901.373	556.923.321	318.809.004.717	556.923.321
Công cụ, dụng cụ	1.411.700.305	-	1.164.371.421	-
Chi phí SX KDDD	249.699.009.599	-	236.735.624.740	-
Thành phẩm	97.174.968.667	453.153.239	100.784.936.401	453.153.239
Hàng hóa	8.729.936.990	107.145.849	7.842.506.404	107.145.849
Hàng gửi bán	55.274.531.690	1.010.950.068	58.094.599.716	1.010.950.068
Tổng	706.137.048.624	2.128.172.477	723.431.043.399	2.128.172.477

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.5 Chi phí trả trước

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.826.979.273	11.219.686.196
Chi phí bảo hiểm	1.274.452.045	2.020.552.115
Chi phí CCDC	2.808.433.975	3.060.937.315
Máy móc thiết bị	-	16.542.262
Phân bổ phụ tùng	883.171.798	376.469.858
Chi phí quảng cáo	711.905.355	948.490.354
Chi phí sửa chữa	760.500.764	723.990.835
Chi phí thuê mặt bằng	3.925.886.111	3.441.380.030
Tiền thuê đất	181.240.295	74.426.761
Chi phí hội nghị khách hàng, du lịch	4.023.970.766	-
Khác	1.257.418.164	556.896.666
b) Dài hạn	40.634.729.848	40.328.352.168
Chi phí thuê đất	16.121.793.482	16.596.234.548
Chi phí CCDC	9.219.936.117	9.659.343.807
Chi phí quảng cáo	127.590.000	201.676.665
Chi phí sửa chữa	7.848.193.556	6.283.887.946
Chi phí phụ tùng	2.322.621.402	1.645.269.611
Tài sản giảm theo thông tư 45	530.105.526	945.745.626
Máy móc thiết bị	4.258.594.495	4.917.110.131
Khác	205.895.270	79.083.834
Tổng	56.461.709.121	51.548.038.364

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	213.343.081.379	352.425.271.456	24.617.522.850	10.299.836.384	600.685.712.069
Tăng trong kỳ	22.621.575.476	42.019.387.017	1.292.094.909	855.295.284	66.788.352.686
Mua trong kỳ	784.925.400	42.019.387.017	1.292.094.909	855.295.284	44.951.702.610
Xây dựng cơ bản hoàn thành	21.836.650.076	-	-	-	21.836.650.076
Giảm trong kỳ	-	212.800.000	112.000.000	-	324.800.000
Thanh lý nhượng bán	-	212.800.000	112.000.000	-	324.800.000
Số dư tại 30/06/2016	235.964.656.855	394.231.858.473	25.797.617.759	11.155.131.668	667.149.264.755
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	117.020.960.570	258.736.297.924	16.714.403.651	8.206.969.609	400.678.631.754
Tăng trong kỳ	6.442.736.440	19.083.493.437	1.143.595.751	455.023.615	27.124.849.243
Khấu hao trong kỳ	6.442.736.440	19.083.493.437	1.119.995.540	455.023.615	27.101.249.032
Phân loại lại	-	-	23.600.211	-	23.600.211
Giảm trong kỳ	-	212.800.000	112.000.000	23.600.211	348.400.211
Thanh lý nhượng bán	-	212.800.000	112.000.000	-	324.800.000
Phân loại lại	-	-	-	23.600.211	23.600.211
Số dư tại 30/06/2016	123.463.697.010	277.606.991.361	17.745.999.402	8.638.393.013	427.455.080.786
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	96.322.120.809	93.688.973.532	7.903.119.199	2.092.866.775	200.007.080.315
Tại ngày 30/06/2016	112.500.959.845	116.624.867.112	8.051.618.357	2.516.738.655	239.694.183.969

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2016: 254.690.353.453 đồng (tại ngày 31/12/2015: 213.986.469.625 đồng).

TÔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Quyền phát hành, giấy phép, giấy nhượng quyền	Công thức, pha chế thiết kế, kiểu mẫu	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	1.923.690.012	22.861.145.170	12.323.741.389	2.333.573.820	39.442.150.391
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2016	1.923.690.012	22.861.145.170	12.323.741.389	2.333.573.820	39.442.150.391
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	159.402.154	5.678.213.917	2.351.068.702	1.523.343.577	9.712.028.350
Tăng trong kỳ	32.979.756	1.133.483.520	262.147.242	116.678.694	1.545.289.212
Khấu hao trong kỳ	32.979.756	1.133.483.520	262.147.242	116.678.694	1.545.289.212
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2016	192.381.910	6.811.697.437	2.613.215.944	1.640.022.271	11.257.317.562
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	1.764.287.858	17.182.931.253	9.972.672.687	810.230.243	29.730.122.041
Tại 30/06/2016	1.731.308.102	16.049.447.733	9.710.525.445	693.551.549	28.184.832.829

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên Công ty	Tỷ lệ (%)			30/06/2016 (VND)		Dự phòng	01/01/2016 (VND)		Dự phòng
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý		Giá gốc	Giá hợp lý	
Đầu tư vào Công ty con				106.103.268.520	106.103.268.520	-	72.803.268.520	72.803.268.520	-
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51%	1.275.000	12.750.000.000	12.750.000.000		12.750.000.000	12.750.000.000	
Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55%	581.765	5.817.648.520	5.817.648.520		5.817.648.520	5.817.648.520	
Công ty CP May Bình Định	51,84%	52%	1.153.562	11.535.620.000	11.535.620.000		11.535.620.000	11.535.620.000	
Công ty CP May An Nhơn	51,00%	51%	765.000	7.650.000.000	7.650.000.000		7.650.000.000	7.650.000.000	
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	51,00%	51%	255.000	2.550.000.000	2.550.000.000		2.550.000.000	2.550.000.000	
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	51,00%	51%	255.000	2.550.000.000	2.550.000.000		2.550.000.000	2.550.000.000	
Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51%	1.530.000	15.300.000.000	15.300.000.000		15.300.000.000	15.300.000.000	
Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51%	765.000	7.650.000.000	7.650.000.000		7.650.000.000	7.650.000.000	
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	70,00%	70%	700.000	7.000.000.000	7.000.000.000		7.000.000.000	7.000.000.000	
Công ty CP May Hậu Giang - Nhà Bè	77,00%	77,00%	2.310.000	23.100.000.000	23.100.000.000		-	-	
Công ty CP May Gia Phúc	51,00%	51,00%	1.020.000	10.200.000.000	10.200.000.000		-	-	
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				70.861.989.920	70.861.989.920	-	65.761.989.920	65.761.989.920	-
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%	33,19%	922.382	9.223.819.263	9.223.819.263		9.223.819.263	9.223.819.263	
Công ty CP May Nam Định	34,33%	34,33%	388.917	3.889.170.657	3.889.170.657		3.889.170.657	3.889.170.657	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	28,58%	28,58%	342.900	3.429.000.000	3.429.000.000		3.429.000.000	3.429.000.000	
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	150.000	1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000	
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	30,00%	30,00%	900.000	9.000.000.000	9.000.000.000		9.000.000.000	9.000.000.000	
Công ty CP Xây Lấp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%	29,99%	300.000	3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000	
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	43,89%	1.536.000	15.360.000.000	15.360.000.000		15.360.000.000	15.360.000.000	
Công ty Cổ phần Truyền thông & Du lịch NBC	37,60%	37,60%	1.346.000	13.460.000.000	13.460.000.000		11.060.000.000	11.060.000.000	
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%	25,00%	750.000	7.500.000.000	7.500.000.000		7.500.000.000	7.500.000.000	
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	30,00%	30,00%	450.000	4.500.000.000	4.500.000.000		1.800.000.000	1.800.000.000	

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Tên Công ty	Tỷ lệ (%)		30/06/2016 (VND)			01/01/2016 (VND)			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				27.285.613.385	27.285.613.385	-	27.285.613.385	27.285.613.385	-
Đầu tư trái phiếu				1.530.000.000	1.530.000.000		1.530.000.000	1.530.000.000	
Công ty CP May An Nhơn				1.530.000.000	1.530.000.000		1.530.000.000	1.530.000.000	
Đầu tư khác				25.755.613.385	25.755.613.385		25.755.613.385	25.755.613.385	
Công ty CP May Việt Thắng (Vigaco)	1,95%	1,95%		3.747.100.000	3.747.100.000		3.747.100.000	3.747.100.000	
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	18,13%	18,13%		5.802.843.385	5.802.843.385		5.802.843.385	5.802.843.385	
Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	6,45%		7.161.920.000	7.161.920.000		7.161.920.000	7.161.920.000	
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	2,04%	2,04%		3.480.000.000	3.480.000.000		3.480.000.000	3.480.000.000	
Công ty CP May Nam Định	18,59%	18,59%		1.338.750.000	1.338.750.000		1.338.750.000	1.338.750.000	
Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%		4.225.000.000	4.225.000.000		4.225.000.000	4.225.000.000	
Tổng				204.250.871.825	204.250.871.825	-	165.850.871.825	165.850.871.825	-



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.9 Phải trả người bán

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	247.962.243.903	247.962.243.903	305.603.541.628	305.603.541.628
Công ty CP May Tam Quan	6.487.783.593	6.487.783.593	20.455.026.214	20.455.026.214
Công ty CP May Gia Lai	11.929.526.486	11.929.526.486	14.571.303.665	14.571.303.665
Motives (Far East) Ltd.	19.111.132.421	19.111.132.421	13.347.859.645	13.347.859.645
Công ty TNHH Coats Phong Phú	7.147.557.131	7.147.557.131	12.816.655.224	12.816.655.224
Công ty CP May Bình Định	6.790.448.994	6.790.448.994	12.639.392.680	12.639.392.680
Công ty CP SX TM DV Hưng Phát	6.193.210.476	6.193.210.476	10.873.167.692	10.873.167.692
Công ty TNHH May XK Việt Thành	-	-	10.217.121.782	10.217.121.782
Công ty CP May Tây Sơn	7.037.858.701	7.037.858.701	10.054.160.258	10.054.160.258
Công ty CP Thương mại Dệt May tại Hà Nội	-	-	9.357.221.335	9.357.221.335
Công ty CP May An Nhơn	-	-	9.262.826.484	9.262.826.484
Kufner Hong Kong LTD.	9.243.427.954	9.243.427.954	-	-
SHANGHAI WEISHI MACHINERY CO., LTD	9.703.314.223	9.703.314.223	-	-
Nataka Corporate Private Ltd.	19.424.934.096	19.424.934.096	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	144.893.049.828	144.893.049.828	182.008.806.649	182.008.806.649
b) Dài hạn	1.227.094.905	1.227.094.905	1.496.498.791	1.496.498.791
Công ty CP DV Dầu Khí Sài Gòn (SPSC)	-	-	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu Tư TM và DV Hà Anh	159.664.450	159.664.450	109.970.850	109.970.850
Công ty TNHH MTV TM Thời Trang Dệt May Việt Nam	-	-	607.833.224	607.833.224
Công Ty TNHH MTV XD SX TM DV T.A.T	18.844.375	18.844.375	46.822.875	46.822.875
Công ty TNHH Vải Sợi & Thời Trang Kim Vũ	-	-	68.071.500	68.071.500
Công ty TNHH Xây Dựng TTNT Trường Tín	-	-	34.984.783	34.984.783
Công ty Xây lắp 1	234.364.068	234.364.068	234.364.068	234.364.068
Công ty TNHH SX - TMDV Nam Thành	24.097.482	24.097.482	24.097.482	24.097.482
Embisphene	37.962.000	37.962.000	37.962.000	37.962.000
The Sewing machine Company Ltd	53.947.720	53.947.720	53.947.720	53.947.720
Phải trả các nhà cung cấp khác	698.214.810	698.214.810	206.444.289	206.444.289
Tổng	249.189.338.808	249.189.338.808	307.100.040.419	307.100.040.419

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	01/01/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2016 VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.463.419.919	15.451.507.674	16.145.053.387	2.769.874.206
Thuế XNK	1.082.997.001	39.065.726	303.335.843	818.726.884
Thuế thu nhập cá nhân	2.180.164.541	2.147.389.868	1.796.979.643	2.530.574.766
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	105.408.236	105.408.236	-
Thuế môn bài	-	48.000.000	48.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	51.283.684	715.151.172	694.644.776	71.790.080
Tổng	6.777.865.145	18.506.522.676	19.093.421.885	6.190.965.936
Phải thu				
Thuế XNK	15.026.155.297	3.458.351.587	1.539.997.680	13.107.801.390
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.638.083.857	6.545.802.130	4.774.024.597	866.306.324
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	44.039.138	-	-	44.039.138
Tổng	17.708.278.292	10.004.153.717	6.314.022.277	14.018.146.852

5.11 Chi phí phải trả

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	25.561.461.631	25.762.430.818
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	5.637.103.053	7.272.128.575
Bản quyền phần mềm Microsoft	23.247.298	23.247.298
Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	12.711.223.699	13.504.887.911
Hạn mục san nền mặt bằng và đường trục chính cụm công nghiệp Tam Quan	1.141.235.091	1.141.235.091
Chi phí điện, nước, vận chuyển	2.443.797.459	2.159.126.240
Chi phí phải trả khác	3.604.855.031	1.661.805.703
b) Dài hạn	-	-
Tổng	25.561.461.631	25.762.430.818

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	734.065.844	485.335.656
Doanh thu nhận trước	734.065.844	485.335.656
b) Dài hạn	21.358.915.446	15.259.492.405
Doanh thu nhận trước	21.358.915.446	15.259.492.405
Tổng	22.092.981.290	15.744.828.061

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.13 Phải trả khác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	20.511.960.721	9.604.509.408
Kinh phí công đoàn	3.276.114.835	910.373.377
Bảo hiểm xã hội	6.099.963.838	270.240.986
Bảo hiểm y tế	1.304.404.145	1.012.520.103
Bảo hiểm thất nghiệp	418.484.306	321.189.626
Cổ tức phải trả	1.415.737.500	-
Phải trả khác	7.997.256.097	7.090.185.316
<i>Lợi nhuận khoán - Công ty CP May Gia Lai</i>	<i>3.800.000.000</i>	<i>3.800.000.000</i>
<i>Phải trả công ty CP May Bưu Long</i>	<i>1.174.114.171</i>	<i>1.174.114.171</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>3.023.141.926</i>	<i>2.116.071.145</i>
b) Dài hạn	6.363.182.174	6.338.182.174
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	3.423.705.274	3.423.705.274
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.939.476.900	2.914.476.900
Tổng	26.875.142.895	15.942.691.582

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2016 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.131.144.943.154	1.131.144.943.154	1.325.633.382.785	1.487.940.384.706	1.293.451.945.075	1.293.451.945.075
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>1.124.044.271.154</i>	<i>1.124.044.271.154</i>	<i>1.325.633.382.785</i>	<i>1.480.839.712.706</i>	<i>1.279.250.601.075</i>	<i>1.279.250.601.075</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND [1]	552.653.621.946	552.653.621.946	652.480.563.923	702.269.064.827	602.442.122.850	602.442.122.850
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 [2]	94.589.609.618	94.589.609.618	140.219.854.320	221.324.872.627	175.694.627.925	175.694.627.925
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) [3]	19.408.299.041	19.408.299.041	28.270.418.061	76.999.340.170	68.137.221.150	68.137.221.150
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam [4]	108.844.903.364	108.844.903.364	121.551.539.108	167.480.604.369	154.773.968.625	154.773.968.625
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh [5]	46.335.608.798	46.335.608.798	46.929.372.998	36.385.296.975	35.791.532.775	35.791.532.775
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn [6]	70.431.171.232	70.431.171.232	90.844.326.088	70.721.657.706	50.308.502.850	50.308.502.850
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) [7]	52.983.109.884	52.983.109.884	52.983.109.884	-	-	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam [8]	71.043.585.000	71.043.585.000	75.246.177.044	26.116.589.894	21.913.997.850	21.913.997.850
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn [9]	79.070.122.491	79.070.122.491	88.423.781.579	135.141.344.363	125.787.685.275	125.787.685.275
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Sài Gòn	-	-	-	44.400.941.775	44.400.941.775	44.400.941.775
Ngân hàng TMCP Hàng Hải [10]	28.684.239.780	28.684.239.780	28.684.239.780	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.100.672.000	7.100.672.000	-	7.100.672.000	14.201.344.000	14.201.344.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	4.995.000.000	4.995.000.000	-	4.995.000.000	9.990.000.000	9.990.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	2.105.672.000	2.105.672.000	-	2.105.672.000	4.211.344.000	4.211.344.000

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/06/2016 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	42.804.979.851	42.804.979.851	6.450.463.851	-	36.354.516.000	36.354.516.000
Từ 12 đến 60 tháng						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD [11]	31.729.746.000	31.729.746.000	3.852.246.000	-	27.877.500.000	27.877.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND [11]	11.075.233.851	11.075.233.851	2.598.217.851	-	8.477.016.000	8.477.016.000
Tổng	1.173.949.923.005	1.173.949.923.005	1.332.083.846.636	1.487.940.384.706	1.329.806.461.075	1.329.806.461.075

[1] Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, phát hành thư tín dụng, hạn mức khác là: 800.000.000.000 đồng. Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2015. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Biện pháp bảo đảm là không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cho vay theo hạn mức 01/CV-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay là: 800.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời gian rút vốn vay đến hết ngày 30/06/2015, thời hạn vay trên mỗi giấy nhận nợ tối đa là 6 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất thỏa thuận lúc nhận nợ, lãi vay được tính kể từ khi nhận nợ, kỳ tính lãi là từ 26 tháng trước đến 25 tháng tiếp theo. Biện pháp bảo đảm: cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cấp hạn mức phát hành thư tín dụng số 01/TTD-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, Hạn mức phát hành thư tín dụng là: 800.000.000.000 đồng, thời hạn đến hết 30/06/2015. Hợp đồng hạn mức chiết khấu có truy đòi hối phiếu và bộ chứng từ xuất khẩu số 01/CK-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, lãi suất chiết khấu do hai bên thỏa thuận.

- Phụ lục 02/CV-0211/KH/14NH : Hợp đồng cho vay theo hạn mức ngày 30 tháng 06 năm 2015 đính kèm hợp đồng tín dụng số 0211/KH/14NH ngày 25 tháng 09 năm 2014 : Hạn mức cho vay : 800.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn rút vốn có hiệu lực đến hết ngày 30/06/2015. Thời hạn cho vay được tính theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại thời điểm Công ty nhận nợ sử dụng vốn vay. Lãi suất nợ quá hạn áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

[2] Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh 4: Hợp đồng tín dụng số 01/2015 - HĐTDHM/NHCT908-NBC ký ngày 16/10/2015. Hạn mức cho vay : Tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ, số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay phát sinh được điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 14.043.011.01/2014 - HĐTNHM/NHCT908-NBC ngày 20/10/2014. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 16/10/2015 đến hết 25/10/2016. Mục đích sử dụng : bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ theo quy định của Bên cho vay. Lãi vay thanh toán hàng tháng vào ngày 25.



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[3] Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 150421 ngày 02 tháng 03 năm 2015, về việc cấp hạn mức hỗn hợp với số tiền là 8.000.000 USD để đáp ứng nhu cầu vốn của Tổng Công ty cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển, nhu cầu dịch vụ thương mại. Tổng thời hạn của mỗi khoản tiện ích không vượt quá 150 ngày. Tiền lãi sẽ được tính ở mức lãi suất cho vay cơ bản USD của thời hạn tương ứng cộng 0,8%/năm. Hạn mức thấu chi là 6.412.500.000 VND, lãi suất cho số dư thấu chi là bằng mức lãi suất cho vay cơ bản VND qua đêm cộng 1.55%/năm, được thanh toán vào cuối tháng bằng cách khấu trừ vào tài khoản. Biện pháp bảo đảm bằng hàng tồn kho và khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số VMR 111978/MR trị giá ít nhất 8.000.000 USD.

Thỏa thuận chung về tiện ích Bảng sửa đổi số 2 ngày 03/12/2015, tổng hạn mức tiện ích 8.000.000 USD. Lãi suất áp dụng là Lãi suất cho vay cơ bản USD/VND/ngoại tệ khác cộng với lãi biên tối đa 1%/ năm. Hạn mức thấu chi 6.412.500.000 VND.

[4] Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 0151 - HĐTD.VIB625.15 ngày 03/07/2015, với tổng các tiện ích ngắn hạn là 200.000.000.000 VND (hoặc tương đương bằng ngoại tệ khác được VIB chấp nhận) trong đó tổng các tiện ích tín dụng ngắn hạn là: 170.000.000.000 VND, tiện ích tín dụng chứng từ là 200.000.000.000 VND. thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay đáp ứng về nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh ngành dệt may của Tổng Công ty. Thời gian của các tiện ích được xem xét lại định kỳ hàng năm, vào thời điểm do VIB toàn quyền quyết định. Lãi suất cho vay bằng chi phí giá vốn cộng biên độ điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật, lãi được thanh toán cuối kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Biện pháp bảo đảm: Công ty cam kết chuyển doanh thu về tài khoản Ngân hàng tối thiểu 10% doanh thu nhưng không thấp hơn 300 tỷ đồng/năm. Doanh thu trực tiếp về tài khoản VIB tối thiểu bằng 30% doanh số giải ngân tại VIB.

[5] Ngân hàng Far East National Bank, Chi nhánh TP.HCM, (sau đổi tên thành Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) theo hợp đồng tín dụng số 151017 tháng 05 năm 2015, với tổng hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD, để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn lưu động, tài trợ cho việc sản xuất, gia công hàng xuất khẩu của Tổng Công ty, nhu cầu phát hành thư tín dụng, chiết khấu L/C. Có thời hạn từ ngày 18/06/2015 đến 18/06/2016. Lãi suất cho vay không thấp hơn LIBOR hoặc chi phí vốn của ngân hàng cộng với 1,00%/ năm đối với USD, không thấp hơn chi phí vốn của ngân hàng + 1,00%/năm đối với VND, lãi được tính lũy kế từng ngày và dựa trên cơ sở 360 ngày, giai đoạn tính lãi là 1 tháng, vào ngày 27 hàng tháng. Lãi phạt sẽ tăng lên 5% của khoản tiền lãi phải trả nhưng không quá 150%/năm. Biện pháp bảo đảm là các khoản phải thu và hàng tồn kho.

[6] Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn, theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 44.15.280.589305.TD ngày 19 tháng 06 năm 2015, với tổng hạn mức tín dụng là 10.000.000 USD (hoặc nội tệ tương đương), mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh may mặc giai đoạn 2015 - 2016. Thời hạn giải ngân tối đa đến 31/05/2016. Thời hạn vay cho mỗi khoản vay là: 6 tháng. Thời hạn đáo hạn cuối cùng của một khoản tín dụng thuộc hạn mức tín dụng là ngày sau 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng đó, lãi suất cho vay được áp dụng theo gói tín dụng ưu đãi Bluechip, lãi suất được xác định cụ thể cho từng khế ước vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn. Lãi được thu định kỳ hàng tháng vào ngày 05 hàng tháng. Phạt tiền lãi 3% trên số tiền lãi chậm trả dưới 10 ngày, 5% trên số tiền lãi từ 10 đến 30 ngày và 7% trên số tiền lãi chậm trả trên 30 ngày. Biện pháp bảo đảm bằng tín chấp.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[7] Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam), Thư cấp hạn mức tín dụng ngày 25/08/2011, được sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm. Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/13-40 ngày 20/04/2013 với Ngân hàng Standard Charter Bank (Vietnam) limited. Bản sửa đổi thư cấp tín dụng ngày 25/08/2015 số tham chiếu SBFL/15-103 của ngân hàng hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam). Hạn mức tín dụng cho tài trợ thương mại là US\$3.000.000 hoặc là số tiền tương đương bằng loại tiền khác, tài trợ các hạn mức tín dụng kết hợp là US\$ 3.000.000 hoặc số tiền tương đương bằng loại tiền khác.

[8] Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam, Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh, theo biên bản sửa đổi thứ tư thư đề nghị cung cấp tiện ích ngày 25 tháng 09 năm 2015, với tổng hạn mức tín dụng là 6.000.000 USD trong đó hạn mức tiện ích để tài trợ thanh toán chi phí gia công là 2.000.000 USD, ngày xem xét lại tiện ích là 30/06/2016 để đáp ứng nhu cầu mua nguyên vật liệu và thanh toán chi phí gia công từ các bên không có liên quan của bên vay. Kỳ hạn tối đa là 5 tháng cho mỗi khoản vay tính từ ngày rút vốn. Lãi suất cho vay bằng chi phí vốn của ngân hàng cộng 1,5%/năm. Còn lại các điều khoản khác không có thay đổi so với thư đề nghị cung cấp tiện ích cũ. Biện pháp đảm bảo: thế chấp hàng hóa.

[9] Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/93189/HĐTD ngày 03/08/2015, hạn mức cấp tín dụng thường xuyên là: 20.000.000 USD. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động/ bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/07/2016. Lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp bảo đảm là tín chấp.

[10] Ngân hàng TMCP Hàng Hải: Hợp đồng tín dụng số 345/2015/HĐTDHM ngày 28/12/2015, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, hạn mức tín dụng trong hợp đồng này là tổng dư nợ và L/C tối đa mà bên A cung cấp cho bên B, được tính bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ, quy đổi ra đồng VN là 100.000.000.000 đồng, bao gồm: Cho vay ngắn hạn: 100.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, Phát hành thư tín dụng L/C : 100.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn cấp tín dụng đối với mỗi khoản tín dụng được xác định theo từng kế ước nhận nợ, L/C; Riêng thời hạn cho vay không vượt quá 6 tháng, Bên A có quyền yêu cầu bên B hoàn trả nợ gốc và lãi trước hạn tại bất kỳ thời điểm nào. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 30/11/2015. Mục đích cho vay: cho vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Phát hành thư tín dụng-L/C để nhận nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận và thể hiện tại từng kế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Các tài sản và biện pháp đảm bảo: tài sản ký quỹ bằng tiền thực hiện theo thỏa thuận cụ thể giữa các bên, tài sản cầm cố thế chấp cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo.

[11] Vay dài hạn của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, gồm các hợp đồng:

Hợp đồng 0018/ĐTDA/13CD: Đây là khoản vay dài hạn từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0018/ĐTDA/13CD ngày 22 tháng 04 năm 2013, với số tiền cam kết cho vay tối đa bằng VNĐ hoặc USD tương đương là 19.950.000.000 VND, trong đó tổng số tiền giải ngân bằng USD tối đa là : 190.373 USD. Nhằm mục đích đầu tư máy móc thiết bị. Thời hạn của khoản vay này là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay VND bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,6%/năm. Lãi suất cho vay không thấp hơn sàn cho vay ngắn hạn áp dụng đối với bên vay và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Các khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc thiết bị ngành may trị giá 28.500.000.000 đồng. Phụ lục hợp đồng số 2 ngày 20/01/2014 về lịch trả nợ. Hợp đồng thế chấp thiết bị số 0025/NHNT-TC ngày 22/04/2013, danh sách tài sản được mô tả trong biên bản định giá số 01/BBDG ngày 16/04/2013.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 0004/ĐTDA/14CD ngày 27 tháng 02 năm 2014, phục vụ cho dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014, ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM. Tổng số tiền cho vay tối đa bằng VND hoặc USD tương đương 18.072.753.342 VND (tỷ giá quy đổi tỷ giá bán chuyển khoản của USD do bên cho vay công bố tại ngày giải ngân). Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí của dự án. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 54 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 2,5%/năm, thời gian còn lại thì bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 3 %/năm. Lãi suất USD bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cuối kỳ cộng với biên độ cố định 2,8%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc được trả làm 18 kỳ kể từ thời gian ân hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay là thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án. Hợp đồng thế chấp tài sản số 0010/NHNT-TC ngày 27/02/2014, tài sản đảm bảo được mô tả trong biên bản định giá tài sản số 01-0010/BBĐG ngày 03/2014.

Hợp đồng tín dụng số 0031/ĐTDA/14CD ngày 06 tháng 10 năm 2014, phục vụ cho dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014 đợt 2, ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM. Tổng số tiền cho vay tối đa bằng VND hoặc USD tương đương 5.690.000.000 VND (tỷ giá quy đổi tỷ giá bán chuyển khoản của USD do bên cho vay công bố tại ngày giải ngân) nhưng không vượt quá tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí của dự án. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 54 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 2,5%/năm, thời gian còn lại thì bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 3 %/năm. Lãi suất USD bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cuối kỳ cộng với biên độ cố định 2,8%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc được trả làm 18 kỳ kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay là thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án. Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0044/NHNT-TC ngày 06/10/2014, biên bản định giá tài sản bảo đảm số 01-0044/BBĐG ngày 06/10/2014.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	182.000.000.000	30.312.209.716	64.867.739.303	277.179.949.019
Tăng trong năm	-	1.087.687.997	68.417.896.251	69.505.584.248
Lợi nhuận sau thuế	-	-	68.417.896.249	68.417.896.249
Phân phối lợi nhuận	-	1.087.687.997	-	1.087.687.997
Tăng khác	-	-	2	2
Giảm trong năm	-	-	57.749.049.293	57.749.049.293
Chia cổ tức năm 2014	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.087.687.997	1.087.687.997
Quỹ khen thưởng	-	-	7.525.968.587	7.525.968.587
Quỹ phúc lợi	-	-	3.420.894.812	3.420.894.812
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	-	214.497.897	214.497.897
Số dư tại 31/12/2015	182.000.000.000	31.399.897.713	75.536.586.261	288.936.483.974
Số dư tại 01/01/2016	182.000.000.000	31.399.897.713	75.536.586.261	288.936.483.974
Tăng trong kỳ	-	-	36.267.644.826	36.267.644.826
Lợi nhuận sau thuế	-	-	36.267.644.826	36.267.644.826
Giảm trong kỳ	-	-	51.302.823.178	51.302.823.178
Tạm ứng cổ tức năm 2015	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ khen thưởng	-	-	3.989.434.969	3.989.434.969
Quỹ phúc lợi	-	-	1.813.388.203	1.813.388.203
Khác	-	-	6	6
Số dư tại 30/06/2016	182.000.000.000	31.399.897.713	60.501.407.909	273.901.305.622

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016 số 28/15/ĐHCD ngày 06 tháng 4 năm 2016 về việc phân phối lợi nhuận năm 2015.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2016 VND	Tỷ lệ %	01/01/2016 VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	14.165.710.000	7,78%	14.165.710.000	7,78%
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491.220.000	0,27%	491.220.000,00	0,27%
Các cổ đông khác	116.943.070.000	64,26%	116.943.070.000	64,26%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.500.000.000	45.500.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e. Các quỹ doanh nghiệp

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	31.399.897.713	31.399.897.713
Tổng	31.399.897.713	31.399.897.713

TÔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.16 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.559.509.927.990	1.506.712.039.533
Doanh thu bán thành phẩm	1.542.413.569.990	1.499.460.904.496
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.096.358.000	7.251.135.037
Các khoản giảm trừ doanh thu	8.592.702.153	7.681.270.310
Chiết khấu thương mại	883.967.058	-
Giảm giá hàng bán	-	834.043.709
Hàng bán bị trả lại	7.708.735.095	6.847.226.601
Doanh thu thuần về bán hàng	1.550.917.225.837	1.499.030.769.223

5.17 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn bán thành phẩm	1.245.990.886.817	1.259.908.871.299
Giá vốn cung cấp dịch vụ	580.711.628	3.430.636.086
Tổng	1.246.571.598.445	1.263.339.507.385

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	872.469.045	582.234.717
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.518.080.278	20.486.319.852
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.987.050.081	7.556.535.825
Lợi nhuận khoán	-	437.117.453
Tổng	29.377.599.404	29.062.207.847

5.19 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền vay	13.300.394.018	12.824.882.419
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.697.525.910	13.325.416.292
Tổng	18.997.919.928	26.150.298.711

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.20 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên	26.862.207.907	16.558.930.326
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.861.947.380	3.012.517.718
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	2.340.575.694	1.379.633.448
Chi phí khấu hao TSCĐ	775.275.362	812.649.714
Thuế, phí, lệ phí	64.022.000	40.938.063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.686.902.640	78.600.426.117
Chi phí bằng tiền khác	8.353.904.219	4.608.980.848
Tổng	122.944.835.202	105.014.076.234

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	92.015.834.874	50.895.763.370
Chi phí vật liệu quản lý	5.975.605.680	5.722.582.230
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.172.862.650	1.834.825.885
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.414.509.925	6.718.778.994
Thuế phí và lệ phí	734.087.245	28.763.101
Chi phí dự phòng	662.359.982	676.938.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.971.874.915	11.122.498.399
Chi phí bằng tiền khác	16.513.508.173	15.236.255.434
Tổng	149.460.643.444	92.236.406.288

5.22 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	272.499.998	255.351.247
Thu hồi nguyên vật liệu	125.698.244	244.425.515
Xử lý chênh lệch gia công	137.536.828	-
Thu phí đào tạo	244.400.000	-
Khác	68.087.419	49.522.485
Tổng	848.222.489	549.299.247
Chi phí khác		
Xử lý chênh lệch gia công	113.457.389	-
Phạt vi phạm hành chính	86.182.594	203.150.233
Khác	154.963.772	236.577.779
Tổng	354.603.755	439.728.012
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	493.618.734	109.571.235

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.813.446.956	41.462.259.687
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	3.433.643.974	3.124.782.695
Chi phí không được trừ	3.058.086.378	2.632.257.461
Chi phí khấu hao vượt định mức	289.375.002	289.375.001
Các khoản phạt	86.182.594	203.150.233
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	13.518.080.278	20.923.437.305
Thu nhập từ nhận cổ tức	13.518.080.278	20.923.437.305
Thu nhập chịu thuế	32.729.010.652	23.663.605.077
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	22%
Thuế TNDN hiện hành	6.545.802.130	5.205.993.117

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	762.745.682.050	785.937.036.067
Chi phí nhân công	384.705.710.798	233.423.558.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.171.533.595	30.427.278.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.265.919.744	382.285.125.261
Chi phí khác bằng tiền	15.088.230.904	28.516.991.472
Tổng	1.518.977.077.091	1.460.589.989.907

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

Giao dịch với các bên có liên quan

Giao dịch bán hàng trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
			VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	328.260.521	-
		Gia công	-	4.214.460.261
		Thiết bị các loại	-	421.447.849
		Công cụ dụng cụ	-	259.388.176
		Khác	146.264.526	110.455.264
		Nguyên phụ liệu	44.330.546	-
		Quần áo	573.357.311	-
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	11.286.000	-
		Gia công	49.351.636	284.166.148
		Nguyên phụ liệu	60.685.378	-
		Thiết bị các loại	-	(120.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Quần áo	48.621.819	49.464.864
		Điện, nước, thuê máy	89.683.825	-
		Tiền thuê nhà	234.400.584	-
		Thiết bị các loại	-	168.109.444
		Dịch vụ bảo trì	-	86.837.902
		Phí vận chuyển	-	10.440.000
		Khác	74.276.000	1.500.000
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	2.400.000	-
		Gia công	-	2.975.000
		Khác	161.119.768	76.648.659
		Thiết bị các loại	-	3.413.000

TÔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch bán hàng trong kỳ (Tiếp)

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
			VND	VND
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	45.150.000	-
		Nguyên phụ liệu	28.605.743	-
		Gia công	-	1.054.545
		Thiết bị các loại	-	59.628.812
		Dịch vụ bảo trì	-	135.939.812
		Phí vận chuyển	7.300.000	39.576.040
		khác	-	13.376.930
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	4.793.000	-
		Quần, áo	3.818.190	-
		Nguyên phụ liệu	-	41.120.120
		Phí vận chuyển	20.151.360	11.306.095
		Khác	28.184.984	71.212.614
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	5.496.000	-
		Khác	6.324.000	23.898.588
		Nguyên phụ liệu	134.741.800	-
		Chi phí xuất nhập khẩu	3.662.600	-
		Thiết bị dụng cụ	-	107.092.000
		Dịch vụ bảo trì	-	570.664.852
		Phí vận chuyển	-	172.669.851
Công ty CP May Hậu Giang - Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	49.736.428	-
		Nguyên Phụ Liệu	2.801.850	-
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	6.764.000	-
		Thiết bị các loại	-	8.180.000
		Gia công	5.090.920	3.818.190
		Phí vận chuyển	-	5.129.550
		Văn phòng phẩm	-	145.090.876
		Khác	-	810.788



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch bán hàng trong kỳ (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
			VND	VND
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Thiết bị các loại		18.689.036
		Gia công		12.400.000
		Phí vận chuyển	49.653.392	35.000.000
		Văn phòng phẩm		136.363.636
		Khác		8.933.902
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Gia công	2.020.289.093	2.894.052.236
		Khác	630.228	85.063.983
		Thiết bị các loại	-	85.753.107
Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	36.184.508	-
		Tiền thuê nhà	123.780.780	-
		Gia công		18.300.000
		Thiết bị các loại		42.180.378
		Dịch vụ bảo trì khác	21.003.600	41.173.611
				500.000
Công ty Cổ phần May Bình Thuận-NB	Công ty con	Quần áo	153.832.728	2.380.386.466
		Thiết bị các loại	-	1.044.000
		Dịch vụ bảo trì khác	-	1.750.000
			4.607.820	541.681
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty con	Quần áo	559.091	-
		Nguyên Phụ Liệu	24.320.000	-
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Tiền thuê nhà	168.318.054	-
		Khác	8.296.000	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	25.527.433	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong kỳ**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
			VND	VND
Công ty Cổ phần Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Tiền thuê nhà	115.031.746	-
		Quần áo	559.091	2.663.637
		Khác	10.914.000	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	20.692.702	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Thương mại dịch vụ Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Chi phí XNK	-	23.707.383.876
		Thiết bị các loại	-	1.818.181.818
		Khác	-	3.949.838.339
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Gia công quần áo	9.088.984.944	12.716.360.041
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Gia công quần áo	34.273.290.129	31.267.491.238
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Gia công quần áo	21.396.490.583	25.781.871.024
		Phí vận chuyển	-	16.154.000
Công ty CP May Bình Thuận-NB	Công ty con	Gia công quần áo	13.759.675.462	7.872.447.610
		Hoa hồng đại lý	-	56.218.637
		Khác	3.075.545	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Gia công quần áo	23.871.159.269	19.107.162.663
		Công cụ dụng cụ	-	38.000.000
		Khác	41.932.302	-
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty LD, liên kết	Gia công quần áo	4.718.571.814	5.984.763.429
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Gia công quần áo	43.182.409.543	57.699.443.409
		Khác	5.345.538	-
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Gia công quần áo	1.554.054.290	96.913.142
		Phí vận chuyển	-	3.536.500
		Khác	-	126.754.000
Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè	Công ty con	Gia công quần áo	-	117.733.620

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch mua hàng trong kỳ (Tiếp)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
			VND	VND
Công ty Cổ Phần Truyền Thông NBC	Công ty LD, liên kết	Công cụ dụng cụ	-	1.184.178.046
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	-	325.125.000
		Khác	-	3.429.177.093
		Quảng cáo	-	1.002.124.000
		Sửa chữa	-	192.317.295
		Văn phòng phẩm	-	47.059.283
		Phí vận chuyển	-	870.200
Công ty CP Tư vấn Công Nghệ NB	Công ty LD, liên kết	CCDC	105.663.000	10.046.311.950
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	96.850.000	97.000.000
		TSCĐ	8.882.324.000	-
Công ty CP Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	CCDC	30.000.000	400.802.500
		Phụ tùng	-	927.994.190
		Sửa chữa	533.353.446	1.469.717.708
		Mua nguyên vật liệu	1.373.798.460	-
		Thi công công trình	14.432.120.364	-
		Khác	-	21.457.700
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty LD, liên kết	May gia công	4.439.960.550	4.717.919.887
		Khác	8.180.816	-
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty con	Mua Nguyên vật liệu	950.763	-
		Gia công	1.423.727.766	-
Công ty CP May Hậu Giang - Nhà Bè	Công ty con	Gia công	17.986.191.991	-
		Tiết kiệm	39.405.000	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên có liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ Phần Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	68.561.991	3.134.188.578
Công ty Cổ Phần TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	6.130.031.123	9.218.711.641
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nhà bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	83.678.880	143.972.328
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	45.427.146.997	44.725.228.136
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	47.567.996	47.568.088
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Phải thu khách hàng	-	589.367
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải thu khách hàng	-	537.837
Công ty Cổ Phần May Phú Thịnh - Nhà bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	-	198.139.435
Công Ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	58.335.552	29.820.013
Công ty Cổ phần Xây lắp - CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	19.851.480	19.985.130
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Phải trả người bán	4.143.597.297	9.262.826.484
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Phải trả người bán	6.790.448.994	12.639.392.680
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	4.582.003.668	9.047.209.602
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả người bán	4.865.601.194	8.259.361.192
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả người bán	11.929.526.486	14.571.303.665
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	-	2.286.890.034
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	1.466.487.322	3.523.530.552
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải trả người bán	6.487.783.593	20.455.026.214
Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	-	2.525.327.600
Công ty CP Thương Mại Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	46.468.200	1.309.539.760
Công ty Cổ phần Xây lắp - CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	269.638.270	-
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	708.562.030	601.028.743
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	809.399.390	344.990
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty con	Phải trả người bán	-	329.966.632
Công ty Cổ phần May Hậu Giang - Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	4.260.269.180	1.087.128.624

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên có liên quan (Tiếp)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Xây lắp - CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Trả trước người bán	-	1.916.980.674
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Trả trước người bán	10.156.364	10.156.364
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Trả trước người bán	-	4.621.404
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty con	Trả trước người bán	2.852.079.268	-
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả khác	521.000.000	521.000.000
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Phải thu khác	712.161.906	712.161.906
Công ty CP May An Nhơn	Công ty con	Phải thu khác	920.326.400	916.360.718
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải thu khác	403.510.873	404.810.873
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khác	438.329.920	4.530.565
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khác	26.106.474	42.523.788
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khác	10.500.000.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	184.777.084	125.103.668
Công ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	98.660.066	29.435.805
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	4.355.478	4.355.478
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	20.605.617	6.181.276
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	7.354.761	7.838.501



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.565.088.603	127.376.857.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	406.518.422.293	696.218.150.819
Đầu tư tài chính dài hạn	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	508.613.510.896	825.125.008.133
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.173.949.923.005	1.329.806.461.075
Phải trả người bán và phải trả khác	276.064.481.703	323.042.732.001
Chi phí phải trả	25.561.461.631	25.762.430.818
Tổng	1.475.575.866.339	1.678.611.623.894

Các loại công cụ tài chính

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Tổng Công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

Tại 30/06/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	268.474.204.624	7.590.277.079	276.064.481.703
Chi phí phải trả	25.561.461.631	-	25.561.461.631
Các khoản vay	1.131.144.943.154	42.804.979.851	1.173.949.923.005
Tổng	1.425.180.609.409	50.395.256.930	1.475.575.866.339

Tại 01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	315.208.051.036	7.834.680.965	323.042.732.001
Chi phí phải trả	25.762.430.818	-	25.762.430.818
Các khoản vay	1.293.451.945.075	36.354.516.000	1.329.806.461.075
Tổng	1.634.422.426.929	44.189.196.965	1.678.611.623.894

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.565.088.603	-	100.565.088.603
Phải thu khách hàng và phải thu khác	379.043.005.182	27.475.417.111	406.518.422.293
Đầu tư tài chính khác	-	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	479.608.093.785	29.005.417.111	508.613.510.896

Tại 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.376.857.314	-	127.376.857.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	683.921.451.663	12.296.699.156	696.218.150.819
Đầu tư tài chính khác	-	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	811.298.308.977	13.826.699.156	825.125.008.133

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2015 đã được soát xét.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Tổng Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Tổng Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2015 như sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Chênh lệch VND
	VND (Theo Thông tư 200)	VND (Theo Quyết định 15)	
Thu nhập khác	255.351.247	464.181.785	208.830.538
Chi phí khác	-	208.830.538	208.830.538


Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2016



Mai Văn Hoàng Dũng

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường